



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Dược Đồng Nai

Ngày 31/12/2024	20,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-2.4%	-2.4%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
2.6%
YoY: +/-▼ 0.9%

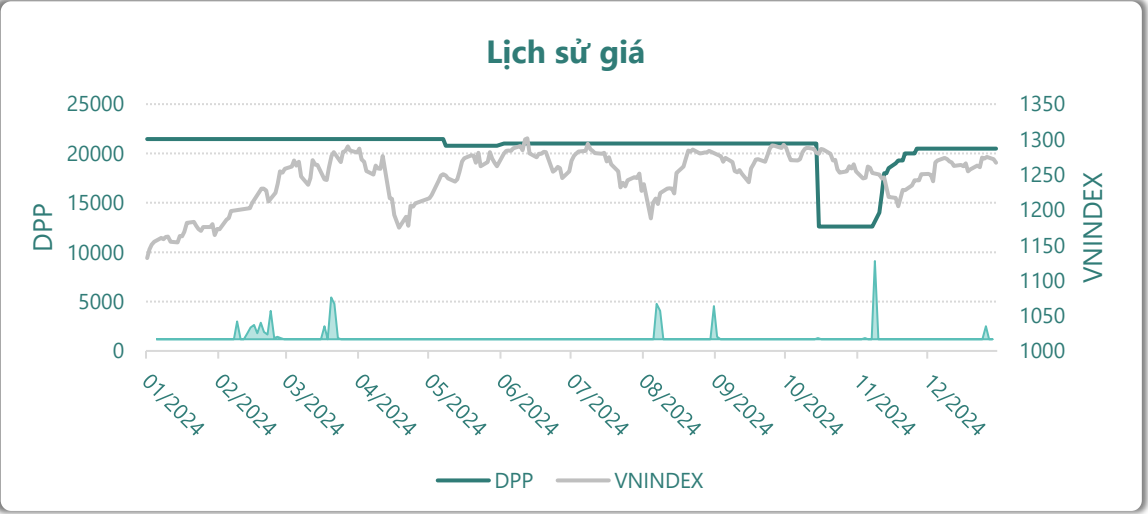
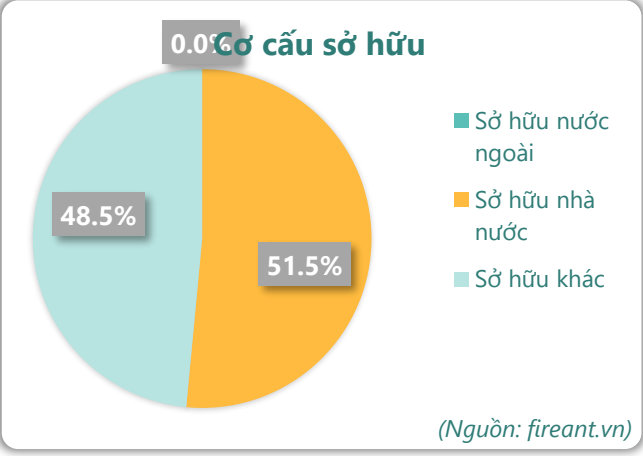
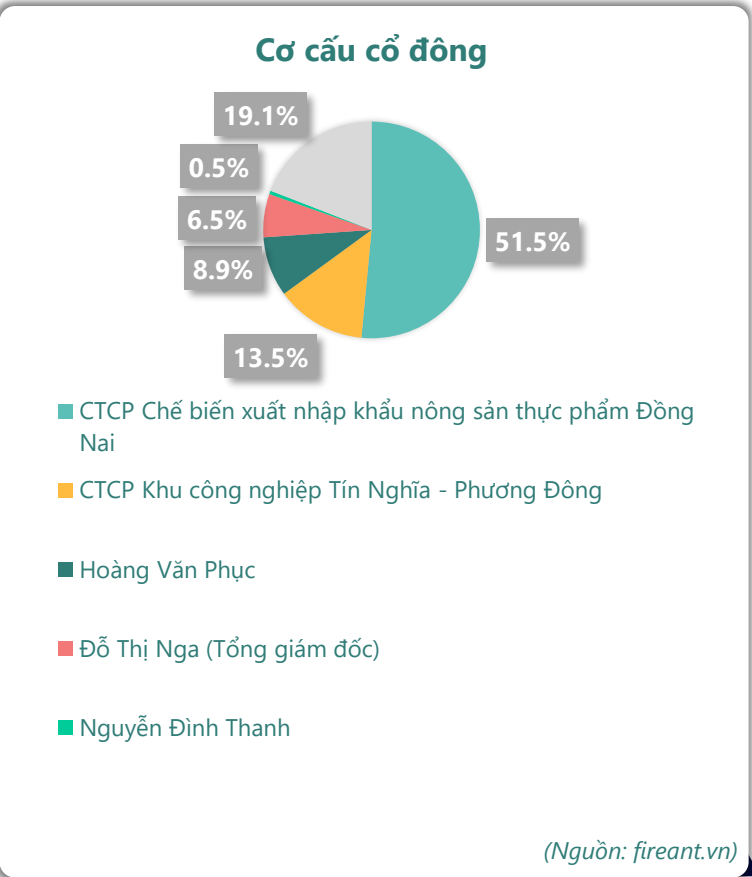
ROE 2024
16.3%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,600 - 21,462
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
Số lượng CPLH (CP)	3,000,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.17)
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
442
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 119 36.8%

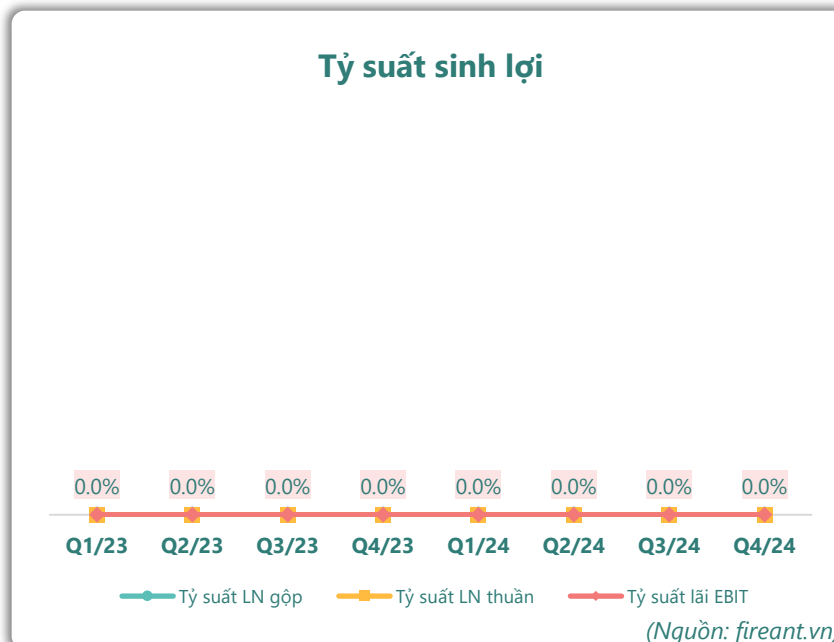
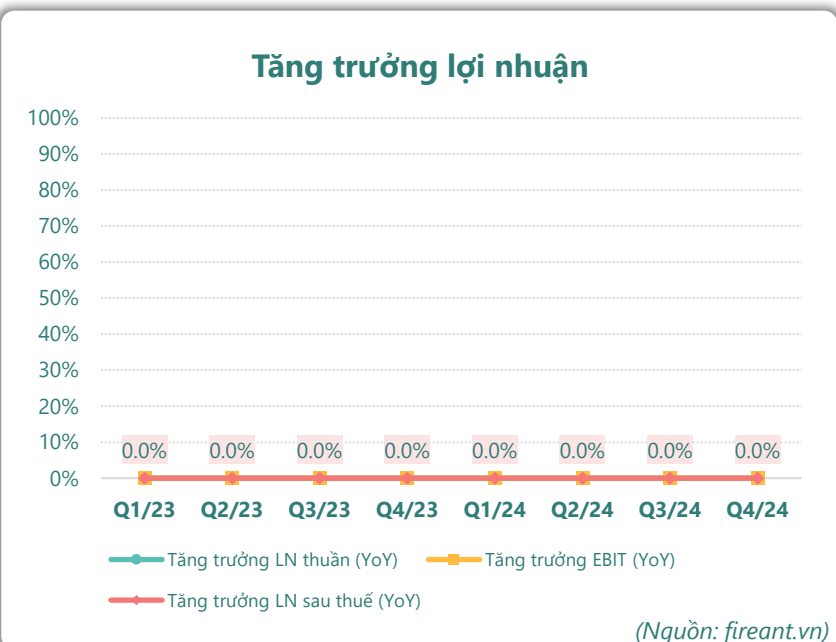
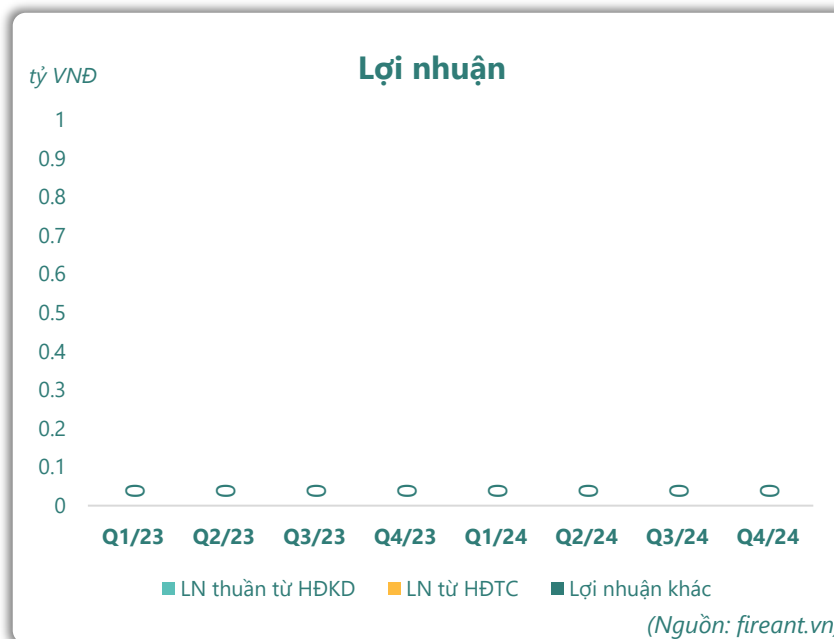
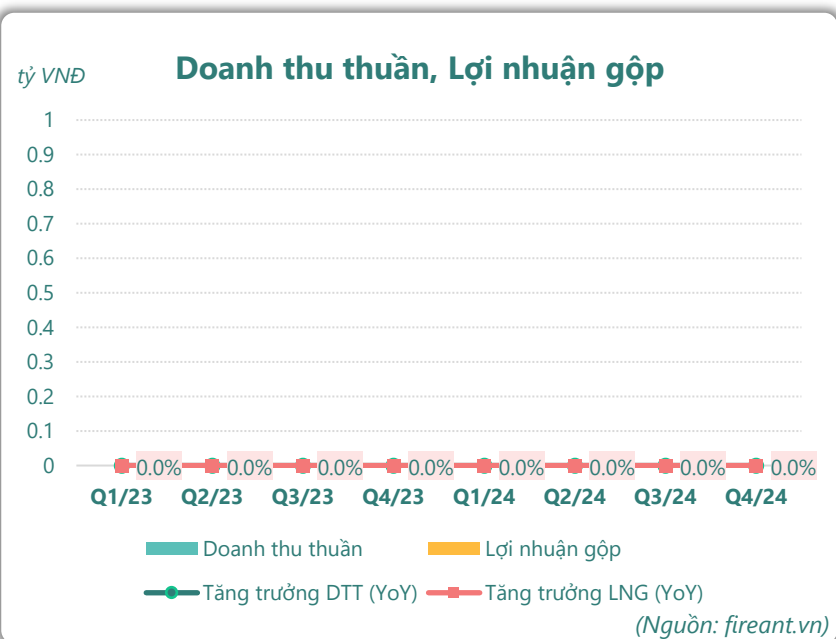
LN thuần 2024
11.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.70 7.3%

LN sau thuế 2024
8.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.60 7.2%





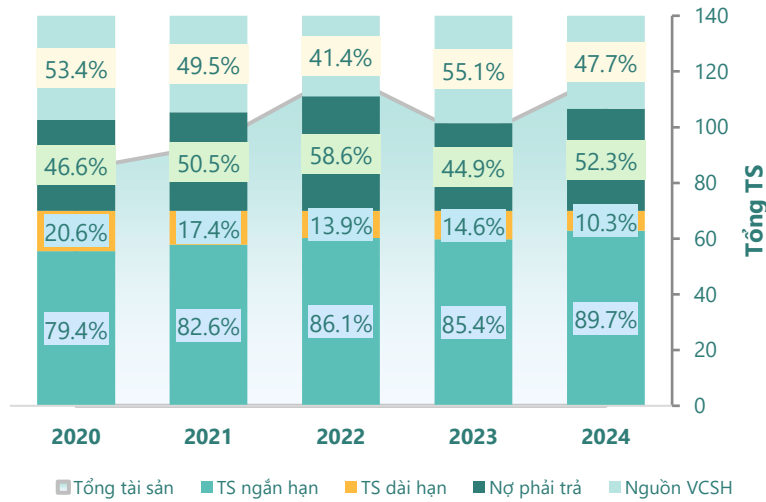
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

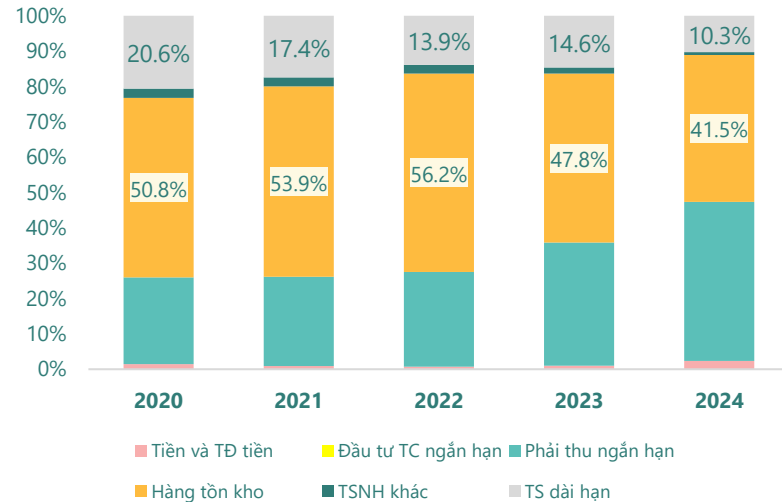
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

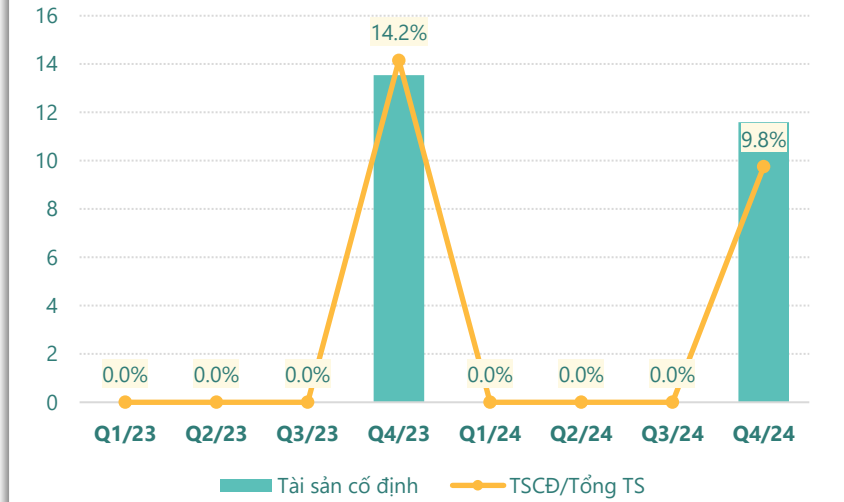
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

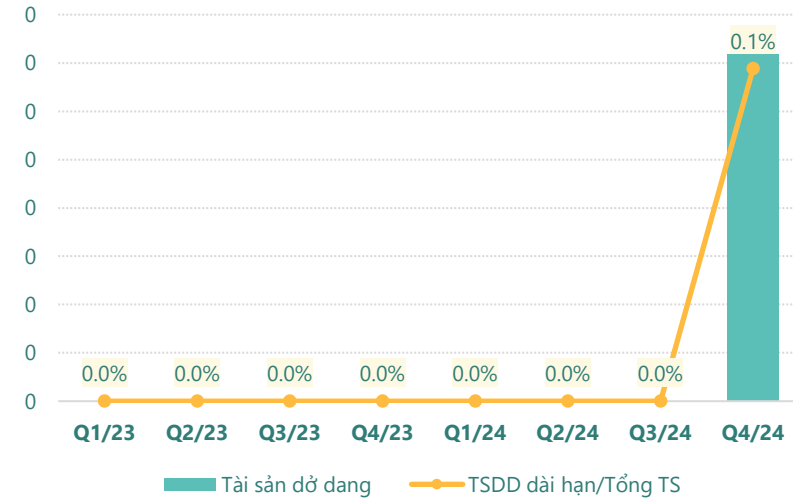
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

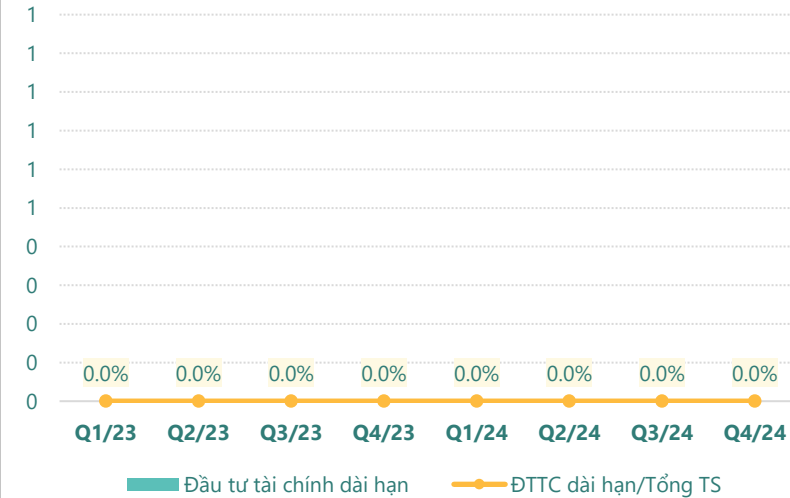
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

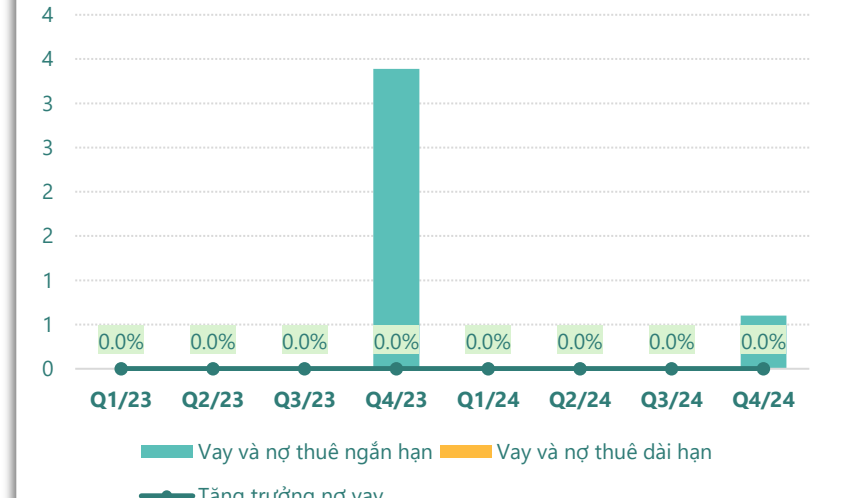
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

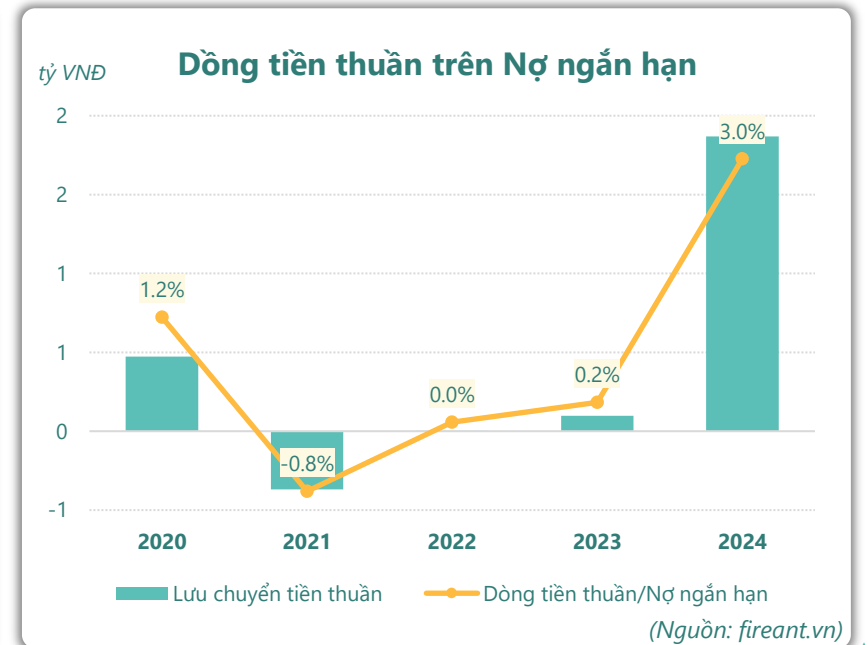
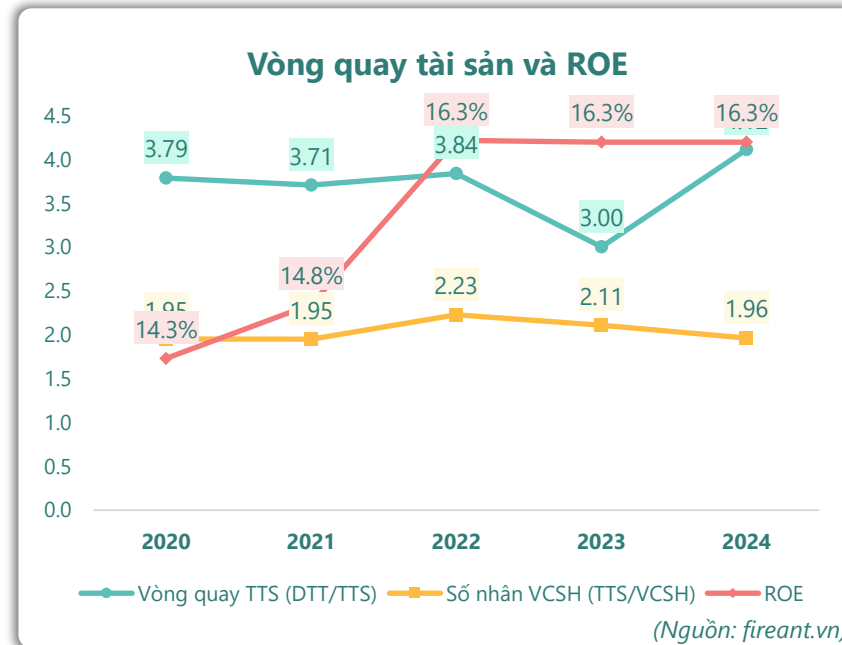
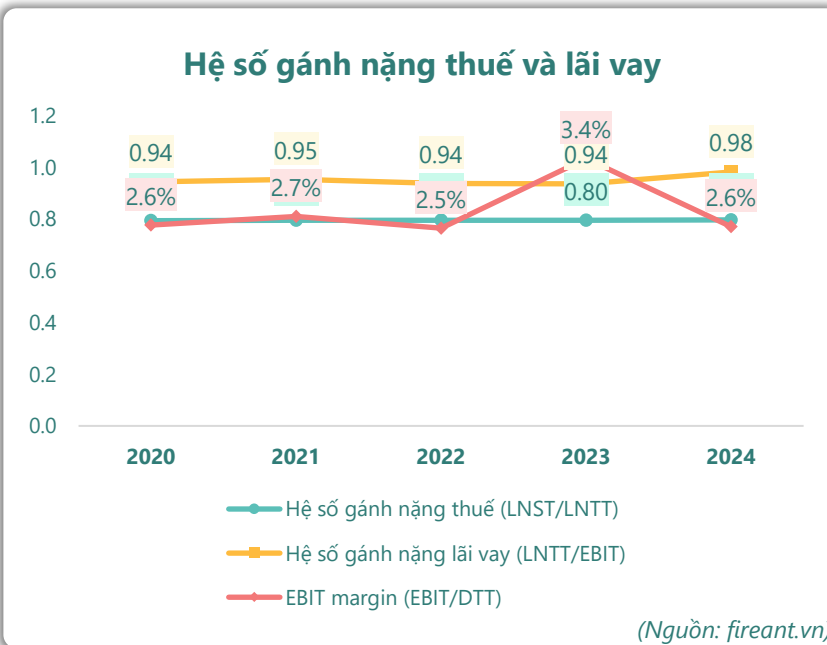
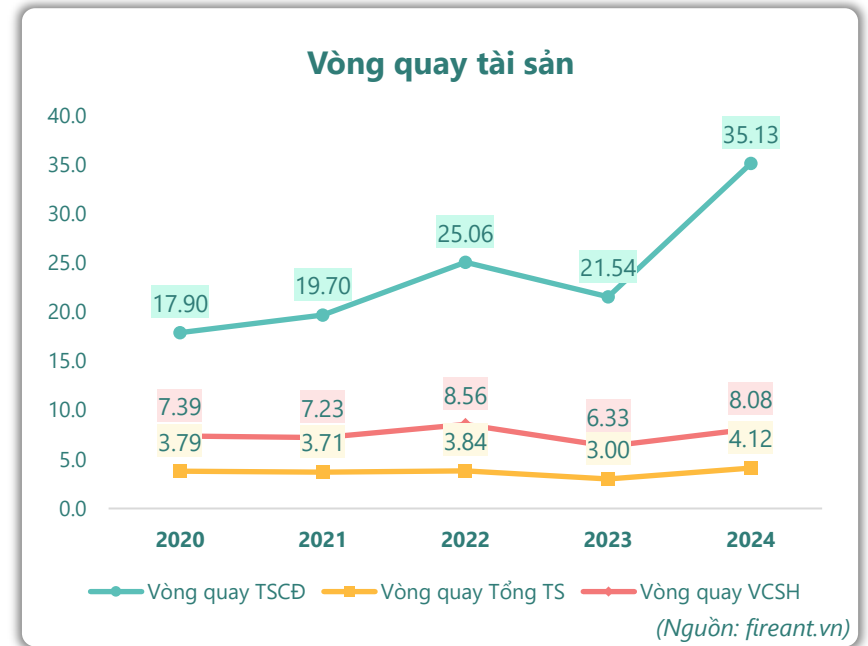
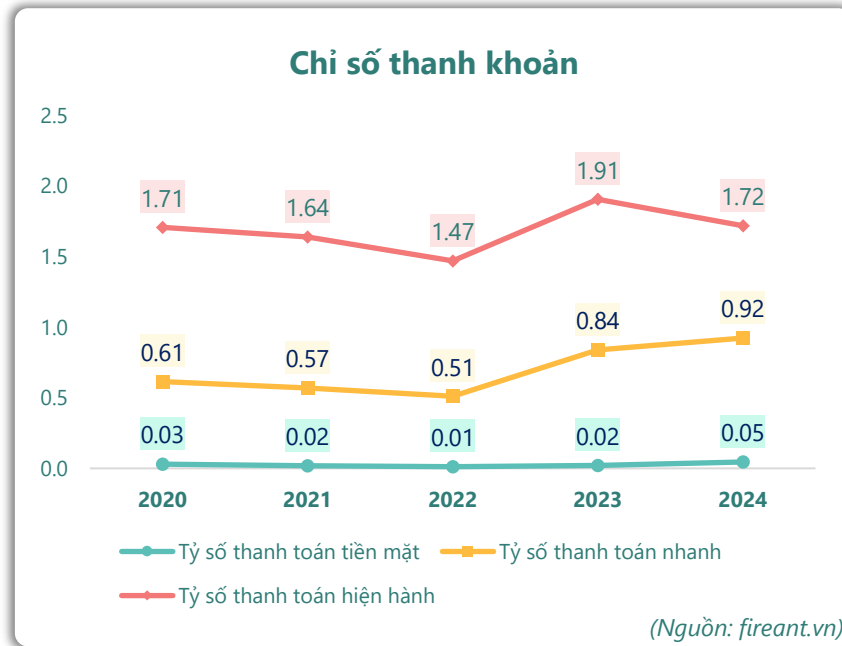
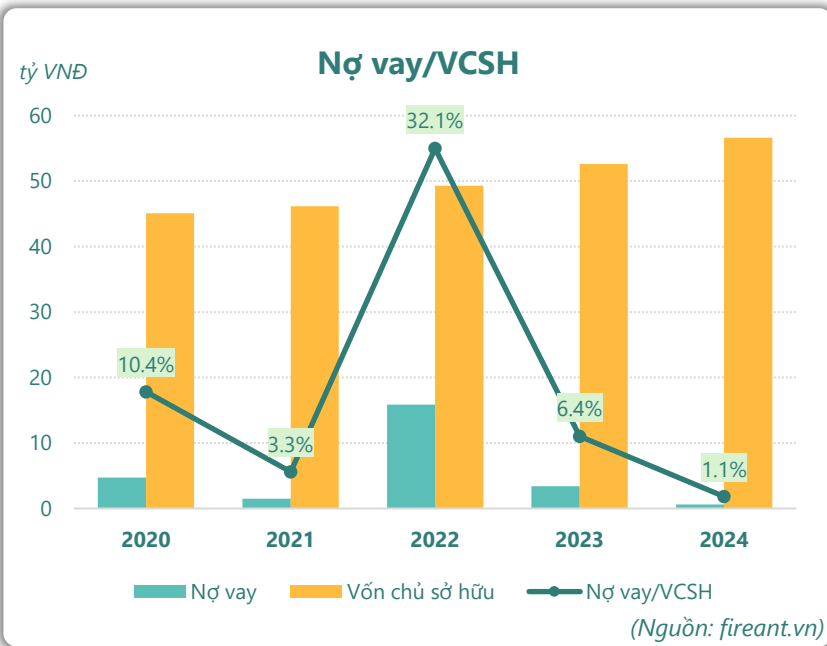
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				442	323	36.8%
Giá vốn hàng bán				414	296	40.0%
Lợi nhuận gộp				27.6	27.3	1.2%
Doanh thu HĐTC				2.55	0.97	164%
Chi phí TC				1.51	1.36	11.3%
Chi phí lãi vay				0.20	0.71	-71.6%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				9.07	8.19	10.8%
Chi phí QLDN				8.55	8.42	1.6%
LN thuần từ HĐKD				11.0	10.3	7.3%
Lợi nhuận khác				0.11	0.14	-16.7%
LN trước thuế				11.1	10.4	7.0%
Lợi nhuận sau thuế				8.89	8.29	7.2%
LNST của CĐ cty mẹ				8.89	8.29	7.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	119	95.7	24.3%
Tài sản ngắn hạn	107	81.7	30.7%
Tiền và tương đương tiền	2.81	0.94	200%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	53.5	33.3	60.6%
Hàng tồn kho	49.4	45.7	8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	1.68	-38.6%
Tài sản dài hạn	12.2	14.0	-12.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.6	13.5	-14.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.14	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.45	4.45	-89.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.2	43.0	44.9%
Nợ ngắn hạn	62.1	42.8	45.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.60	3.39	-82.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.1	31.0	74.5%
Nợ dài hạn	0.12	0.12	7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	56.7	52.7	7.6%
Vốn chủ sở hữu	56.6	52.6	7.6%
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.08	0.08	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

